

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2020/DS-PT

Ngày 27-11-2020

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Chiến.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Thuyền và bà Bùi Thị Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Trang, là Thư ký viên của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Sơn – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 58/2020/TLPT-DS ngày 07 tháng 10 năm 2020 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”,

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 28/2020/DS-ST ngày 13 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông bị kháng cáo,

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 60/2020/QĐ-PT ngày 20 tháng 10 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 60/2020/QĐ-PT ngày 11 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP A; địa chỉ: Tầng 01 và tầng 02, Tòa nhà S, số 111A P, phường B, quận 01, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hàn Ngọc V; chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị Thụ H ; chức vụ: Giám đốc Trung tâm quản lý nợ khách hàng cá nhân , Khối quản trị rủi ro - Ngân hàng TMCP A (*theo văn bản ủy quyền ngày 16/01/2017*).

Người đại diện theo ủy quyền lại : Ông Trần Anh T; chức vụ: Cán bộ Ngân hàng TMCP A; địa chỉ: Tầng 06, Tòa nhà P, số nhà 26 UVK, phường 25, quận B, thành phố Hồ Chí Minh(*theo văn bản ủy quyền lại ngày 07/9/2020*) – Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Bùi Đình Q và bà Phạm Thị T ; cùng địa chỉ: Tổ dân phố 02, thị trấn M, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – Ông Q có mặt, bà T được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Bùi Đình Q và bà Phạm Thị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 31/7/2020 và quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 12/10/2016, Ngân hàng TMCP A nhánh Đắk Lắk - Phòng giao dịch TC đã ký 02 hợp đồng tín dụng với ông Bùi Đình Q và bà Phạm Thị T, gồm: Hợp đồng tín dụng X cho vay số tiền 300.000.000 đồng, thời hạn 12 tháng tính từ ngày giải ngân, lãi suất 7,99% là lãi suất ưu đãi được áp dụng trong 06 tháng, từ tháng thứ 07 trở đi lãi suất được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần bằng lãi suất cơ sở +4%/năm, trả nợ gốc vào cuối kỳ và trả lãi vào ngày 25 hàng tháng theo dư nợ thực tế; Hợp đồng tín dụng Y ngày 12/10/2016, thời hạn 60 tháng tính từ ngày khoản vay đầu tiên được giải ngân, lãi suất 8,99% là lãi suất ưu đãi được áp dụng trong 12 tháng, từ tháng thứ 13 trở đi lãi suất được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần bằng lãi suất cơ sở +3,99%/năm, thời hạn trả nợ gốc vào ngày 25 hàng quý với số tiền 20.000.000 đồng/quý, trả nợ lãi vào ngày 25 hàng tháng theo dư nợ thực tế. Để đảm bảo cho 02 khoản vay trên, ông Q, bà T đã thế chấp cho Ngân hàng thửa đất số 45, tờ bản đồ số 05, diện tích 137.6 m², tọa lạc tại tổ dân phố 02, thị trấn M, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Z do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 09/10/2015 cho ông Q, bà T.

Ngày 16/10/2018, ông Q, bà T đã tắt toán nợ gốc và lãi cho Ngân hàng đối với Hợp đồng tín dụng X.

Đối với Hợp đồng tín dụng Y, ông Q, bà T đã trả được 160.033.965 đồng tiền gốc và 76.146.908 đồng tiền lãi, sau đó vi phạm thời hạn trả nợ gốc và lãi theo thỏa thuận. Ngân hàng đã thông báo nợ quá hạn nhiều lần nhưng ông Q, bà T không trả nên đã chuyển toàn bộ dư nợ gốc sang nợ quá hạn vào ngày 25/01/2019. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Q, bà T phải trả lại toàn bộ nợ gốc và lãi đối với Hợp đồng tín dụng Y tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 13/8/2020) là 314.041.911 đồng (gồm 239.966.035 đồng tiền gốc; 2.560.598 đồng tiền lãi trong hạn và 71.515.278 đồng tiền lãi quá hạn). Nếu ông Q, bà T không trả nợ hoặc trả không hết nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo quy định; nếu số tiền thu được từ xử lý tài sản thế chấp không đủ để thanh toán nợ thì ông Q, bà T có nghĩa vụ trả hết khoản nợ còn lại cho Ngân hàng. Kể từ ngày 14/8/2020, ông Q, bà T phải tiếp tục chịu lãi suất phát sinh theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng Y và Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ ngày 12/10/2016 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Bùi Đình Q và bà Phạm Thị T trình bày: Ông bà thừa nhận việc ký kết các hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản như trình bày của Ngân hàng. Do hoàn cảnh khó khăn, ông bà không thể tiếp tục trả nợ nên Ngân hàng đã chuyển dư nợ gốc và lãi sang nợ quá hạn. Ông bà xin gia hạn thời hạn 06 tháng sẽ trả hết nợ gốc và lãi, nếu ông bà không trả thì Ngân hàng có quyền phát mãi tài sản thế chấp theo quy định.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 28/2020/DS-ST ngày 13 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông đã quyết định: Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 70, Điều 72, Điều 147, Điều 157, Điều 173, Điều 177, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Áp dụng Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); khoản 2 Điều 292, Điều 295, Điều 298, Điều 299, Điều 317, Điều 318, 319, 320, 322 Điều 323 của Bộ luật Dân sự, tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A, buộc

ông Q, bà T phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 13/8/2020 là 314.041.911 đồng (gồm 239.966.035 đồng tiền gốc ; 2.560.598 đồng tiền lãi trong hạn và 71.515.278 đồng tiền lãi quá hạn). Kể từ ngày 14/8/2020, ông Q, bà T phải tiếp tục chịu lãi suất phát sinh theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng Y và Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ ngày 12/10/2016 tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả cho đến khi thi hành án xong. Trường hợp ông Q, bà T không trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 12/10/2016 để thu hồi nợ. Trường hợp số tiền thu được từ xử lý tài sản thế chấp không đủ để thanh toán nợ thì ông Q, bà T có nghĩa vụ trả hết khoản nợ còn lại cho Ngân hàng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí và thông báo quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 07/9/2020, bị đơn ông Bùi Đình Q và bà Phạm Thị T kháng cáo đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và đề nghị nguyên đơn tạo điều kiện để gia hạn trả nợ vì hoàn cảnh khó khăn do dịch bệnh Covid; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông:

- Về tố tụng: Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa, các Thẩm phán tham gia, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp phúc thẩm.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 296, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự : Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bà Phạm Thị T. Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của ông Bùi Đình Q, giữ nguyên bản án sơ thẩm; ông Bùi Đình Q phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Đơn kháng cáo của ông Bùi Đình Q và bà Phạm Thị T nộp trong thời hạn luật định. Ông Q và bà T cùng kháng cáo, theo quy định tại khoản 1 Điều 33 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì lẽ ra ông Q, bà T phải nộp mỗi người 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm chỉ thông báo cho ông Q và bà T cùng nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm là lỗi của Tòa án cấp sơ thẩm, không phải lỗi của đương sự nên chỉ nêu ra để Tòa án cấp sơ thẩm nghiêm túc rút kinh nghiệm.

[1.2]. Tòa án cấp phúc thẩm triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng bà T là người kháng cáo vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì bị coi như từ bỏ việc kháng cáo, cần đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bà T.

[2]. Về nội dung: Xét kháng cáo của ông Bùi Đình Q ; căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1]. Tòa án cấp sơ thẩm triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn ông Q, bà T vắng mặt không có lý do chính đáng nên đã xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 2 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự

[2.2]. Ngày 12/10/2016, ông Q, bà T đã ký kết 02 hợp đồng tín dụng để vay của Ngân hàng tổng số tiền 700.000.000 đồng, cụ thể: Hợp đồng tín dụng X vay 300.000.000 đồng, thời hạn 12 tháng, lãi suất 7,99% áp dụng trong 06 tháng, từ tháng thứ 07 trở đi lãi suất được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần bằng lãi suất cơ sở +4%/năm, trả nợ gốc vào cuối kỳ và trả lãi vào ngày 25 hàng tháng theo dư nợ thực tế; Hợp đồng tín dụng Y vay 400.000.000 đồng, thời hạn 60 tháng, lãi suất 8,99% áp dụng trong 12 tháng, từ tháng thứ 13 trở đi lãi suất được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần bằng lãi suất cơ sở +3,99%/năm, thời hạn trả nợ gốc vào ngày 25 hàng quý với số tiền 20.000.000 đồng/quý và trả nợ lãi vào ngày 25 hàng tháng theo dư nợ thực tế. Ngày 16/10/2020, ông Q, bà T đã tắt toán toàn bộ nợ gốc và lãi cho Ngân hàng đối với khoản vay theo Hợp đồng tín dụng X. Đối với khoản vay theo Hợp đồng tín dụng Y, mặc dù đến thời hạn trả nợ nhưng ông Q, bà T mới thanh toán cho Ngân hàng được 160.033.965 đồng tiền gốc và 76.146.908 đồng tiền lãi. Ngày 22/7/2019, Ngân hàng ban hành thông báo thu hồi nợ trước thời hạn nhưng ông Q, bà T không trả là vi phạm nghĩa vụ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Do đó, Ngân hàng yêu cầu ông Q, bà T phải thanh toán toàn bộ nợ gốc và nợ lãi là đúng quy định của pháp luật.

[2.3]. Về tiền nợ gốc: Số tiền ông Q, bà T vay của Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng Y ngày 12/10/2016 là 400.000.000 đồng; ông Q, bà T đã trả cho Ngân hàng 160.033.965 đồng; còn nợ 239.966.035 đồng. Các đương sự đều thừa nhận điều này nên đây là tình tiết không phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.4]. Về tiền nợ lãi: Căn cứ vào Bảng kê tính lãi do Ngân hàng cung cấp và Tòa án đã kiểm tra, đối chiếu dựa trên mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 13/8/2020), sau khi trừ đi số tiền lãi đã trả thì ông Q, bà T còn nợ Ngân hàng 2.560.598 đồng tiền lãi trong hạn và 71.515.278 đồng tiền lãi quá hạn.

[2.5]. Xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông Q, bà T phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền 314.041.911 đồng, bao gồm 239.966.035 đồng tiền gốc ; 2.560.598 đồng tiền lãi trong hạn và 71.515.278 đồng tiền lãi quá hạn là có căn cứ, đúng pháp luật.

Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên kể từ ngày 14/8/2020, ông Q, bà T phải tiếp tục chịu lãi suất phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả cho đến khi thi hành án xong là không chính xác. Theo hướng dẫn tại Án lệ số: 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 thì cần tuyên buộc ông Q, bà T phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín

dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Do đó, cần sửa một phần bản án sơ thẩm về lãi suất chậm trả.

[2.6]. Về xử lý tài sản thế chấp:

[2.6.1]. Để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ theo các hợp đồng tín dụng, ông Q, bà T đã ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 12/10/2016, thế chấp cho Ngân hàng thừa đất số 45, tờ bản đồ số 05, diện tích 137,6 m², tọa lạc tại tổ dân phố 02, thị trấn M, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 09/10/2015 cho ông Q, bà T. Hợp đồng đã được công chứng tại Văn phòng công chứng Vũ Minh V.

Xét thấy, ông Q, bà T đã dùng quyền sử dụng đất là tài sản của mình để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ theo các hợp đồng tín dụng và đã đăng ký thế chấp là đúng quy định tại Điều 317 và khoản 4 Điều 323 của Bộ luật Dân sự.

[2.6.2]. Do ông Q, bà T không thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng tín dụng nên Ngân hàng yêu cầu các cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ là đúng quy định tại khoản 1 Điều 299 của Bộ luật Dân sự và Điều 9 của Hợp đồng thế chấp. Tại khoản 3 Điều 307 của Bộ luật Dân sự quy định nếu số tiền có được từ việc xử lý tài sản thế chấp sau khi thanh toán chi phí bảo quản, thu giữ và xử lý tài sản thế chấp nhỏ hơn giá trị nghĩa vụ được bảo đảm thì bên nhận bảo đảm có quyền yêu cầu bên có nghĩa vụ được bảo đảm phải thực hiện phần nghĩa vụ chưa được thanh toán.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, tuyên xử nếu ông Q, bà T không trả nợ hoặc trả không hết nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ; nếu số tiền thu được từ xử lý tài sản thế chấp không đủ để thanh toán nợ thì ông Q, bà T có nghĩa vụ trả hết khoản nợ còn lại cho Ngân hàng là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.7]. Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bà Phạm Thị T là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của ông Bùi Đình Q là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[2.8]. Từ những phân tích, nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy, có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo của ông Q sửa một phần bản án sơ thẩm về lãi suất chậm trả không có căn cứ chấp nhận kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm

[3]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận một phần nên ông Q không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; trả lại cho ông Q số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 296, khoản 2 Điều 308, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Áp dụng Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 2 Điều 292, Điều 295, Điều 298, Điều 299, Điều 317, Điều 318, Điều 319, Điều 320, Điều 323 của Bộ luật Dân sự; Án lệ số: 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và được công bố theo Quyết định số: 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016

của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; khoản 2 Điều 26, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bà Phạm Thị T.

2. Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Bùi Đình Q, sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số: 28/2020/DS-ST ngày 13 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông về lãi suất chậm trả; không chấp nhận kháng cáo của ông Bùi Đình Q về việc hủy bản án sơ thẩm:

2.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A, buộc ông Bùi Đình Q và bà Phạm Thị T phải trả cho Ngân hàng A tổng số tiền 314.041.911đ (*ba trăm mười bốn triệu không trăm bốn mươi một nghìn chín trăm mười một đồng*), bao gồm 239.966.035đ (*hai trăm ba mươi chín triệu chín trăm sáu mươi sáu nghìn không trăm ba mươi lăm đồng*) tiền gốc; 2.560.598đ (*hai triệu năm trăm sáu mươi nghìn năm trăm chín mươi tám đồng*) tiền lãi trong hạn và 71.515.278đ (*bảy mươi một triệu năm trăm mười lăm nghìn hai trăm bảy mươi tám đồng*) tiền lãi quá hạn.

Kể từ ngày 14/8/2020, ông Bùi Đình Q và bà Phạm Thị T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng A thì lãi suất mà ông Bùi Đình Q và bà Phạm Thị T phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng A cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng A.

2.2. Trường hợp Bùi Đình Q và bà Phạm Thị T không trả được nợ cho Ngân hàng A thì Ngân hàng A có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 12/10/2016 giữa ông Bùi Đình Q, bà Phạm Thị T với Ngân hàng A để thu hồi nợ.

2.3. Trường hợp số tiền thu được từ xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số ngày 12/10/2016 không đủ để thanh toán khoản nợ thì ông Bùi Đình Q, bà Phạm Thị T có nghĩa vụ phải trả hết khoản nợ còn lại cho Ngân hàng A.

3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Buộc ông Bùi Đình Q và bà Phạm Thị T phải trả lại cho Ngân hàng A số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 1.950.000đ (*một triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng*).

4. Về án phí:

4.1. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Bùi Đình Q và bà Phạm Thị T phải chịu 15.702.000đ (*mười lăm triệu bảy trăm lẻ hai nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho Ngân hàng A số tiền 6.621.000đ (*sáu triệu sáu trăm hai mươi một nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số S ngày 30/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

4.2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Bùi Đình Q không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; trả lại cho ông Bùi Đình Q và bà Phạm Thị T số tiền

300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số K ngày 17/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TPHCM;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- TAND huyện Đắk Song;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu: Tòa dân sự; Tổ hành chính tư pháp; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký tên, đóng dấu)

Nguyễn Xuân Chiến